TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 399/2022/QĐST – HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 01 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 21 tháng 10 năm 2022;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 369/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Bà Phạm Thị T**,** sinh năm 1983 và ông Trịnh Quốc P, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Số 26 đường C 2, tổ 59, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà Phạm Thị T, ông Trịnh Quốc P kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại số nhà 26 đường C 2, tổ 59, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Qúa trình chung sống đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã nhiều lần ngồi hòa giải, để hòa hợp nhưng không thành. Nay, vợ chồng bà T, ông P cảm thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được nữa nên bà T, ông P thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông, bà được thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà T, ông P vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy bà T, ông P thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu

cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị T, ông Trịnh Quốc P thống nhất xác định vợ chồng ông bà có 02 con chung tên: Trịnh Quốc C, sinh ngày 14/02/2011 và Trịnh Quốc K, sinh ngày 13/11/2020. Ly hôn bà T, ông P thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Trịnh Quốc C cho ông Trịnh Quốc P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi; Giao con chung Trịnh Quốc K cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Bà T, ông P xác định không có.

[4] Về nợ chung: Bà T, ông P xác định không có

[5] Về lệ phí tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình do người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thỏa thuận về ly hôn nuôi con chung khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự bà Phạm Thị T và ông Trịnh Quốc P, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị T và ông Trịnh Quốc P thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của bà Phạm Thị T và ông Trịnh Quốc P về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung Trịnh Quốc C, sinh ngày 14/02/2011 cho ông Trịnh Quốc P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi; Giao con chung Trịnh Quốc K, sinh ngày 13/11/2020 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T, ông P xác định không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà T, ông P xác định không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Phạm Thụ T và ông Trịnh Quốc P tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0002087 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy bà T, ông P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Vũ Phúc, TP Thái Bình Tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH Số 40 ngày 24/9/2009)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương